Phật giáo Triều Nguyễn định hình bản sắc văn hóa Huế

ISSN: 2734-9195 10:43 27/05/2026

Không chỉ ảnh hưởng đến tín ngưỡng, Phật giáo còn định hình lối sống, đạo đức và phong thái con người Huế theo hướng nhẹ nhàng, thanh tịnh, hòa ái và chuẩn mực.

Mở đầu

Trong lịch sử văn hóa Việt Nam, Phật giáo không chỉ hiện diện với tư cách là một tôn giáo mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và bồi đắp các giá trị văn hóa vùng miền. Đối với Huế, kinh đô của vương triều Nguyễn và là trung tâm chính trị, văn hóa lớn của đất nước trong thế kỷ XIX, Phật giáo đã in dấu sâu sắc và lâu dài trong đời sống xã hội. Những tư tưởng đạo đức, giá trị tinh thần và thẩm mỹ của Phật giáo đã hòa quyện vào không gian sống và tâm thức cộng đồng, góp phần kiến tạo nên diện mạo văn hóa Huế mang sắc thái trầm mặc, điều hòa và giàu chiều sâu tâm linh.

Ngay từ thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong, Phật giáo đã coi trọng như một nền tảng tinh thần nhằm ổn định xã hội và củng cố sự gắn kết cộng đồng trong bối cảnh lịch sử nhiều biến động. Khi vương triều Nguyễn được thiết lập, mặc dù Nho giáo được xác lập là hệ tư tưởng chính thống trong tổ chức và quản lý nhà nước, Phật giáo vẫn tiếp tục được duy trì và bảo trợ trong lĩnh vực văn hóa, tín ngưỡng, đặc biệt tại Huế. Chính sự tiếp nối này đã hình thành một mô hình Phật giáo mang tính đặc thù, vừa gắn với đời sống cung đình, vừa đi sâu vào sinh hoạt dân gian, tạo nên ảnh hưởng rộng khắp xã hội.

Việc nghiên cứu Phật giáo triều Nguyễn và quá trình định hình bản sắc văn hóa Huế do đó không chỉ làm sáng tỏ vai trò lịch sử của Phật giáo trong một giai đoạn cụ thể, mà còn hướng đến việc nhận diện những giá trị văn hóa, tinh thần tồn tại bền bỉ trong đời sống văn hóa Huế hiện nay.

Thông qua việc xem xét bối cảnh lịch sử, các biểu hiện cụ thể của Phật giáo trong đời sống văn hóa và quá trình bảo tồn, phát huy những giá trị ấy trong bối cảnh đương đại.

Từ khóa: Phật giáo triều Nguyễn, Phật giáo Huế, bản sắc văn hóa Huế.

Nội dung

1. Tổng quan bối cảnh Phật giáo triều Nguyễn tại Huế

1.1. Phật giáo từ thời chúa Nguyễn đến vương triều Nguyễn

Phật giáo tại Huế hình thành và phát triển gắn liền với quá trình xác lập và củng cố quyền lực của họ Nguyễn ở Đàng Trong, sau đó là sự ra đời của vương triều Nguyễn. Từ thời các chúa Nguyễn, Phật giáo được xem như một yếu tố tinh thần quan trọng, góp phần ổn định xã hội và củng cố tính chính danh của chính quyền trong bối cảnh vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân còn nhiều biến động.

Dưới thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII), Phật giáo phát triển mạnh mẽ cả về tổ chức lẫn sinh hoạt tôn giáo. Các chúa Nguyễn: Nguyễn Hoàng người đặt nền móng cho Phật giáo Thuận Hóa, Nguyễn Phúc Tần, Nguyễn Phúc Chu, Nguyễn Phúc Khoát..., tỏ ra khoan dung và hộ trì phật pháp, thể hiện qua việc trùng tu và xây dựng nhiều chùa chiền, mời các cao tăng tham gia hoằng pháp.

Phật giáo trong giai đoạn này không mang tính đối lập với Nho giáo, mà tồn tại như một lực lượng tinh thần hỗ trợ, giúp gắn kết cộng đồng cư dân về nguồn gốc và tín ngưỡng ở vùng Đàng Trong.

Theo Lịch sử Phật giáo xứ Huế cho rằng: “Về tư tưởng, dân Thuận Hóa thời này đã sống với triết lý dung hợp cả ba nguồn tư tưởng lớn: Thích, Khổng, Lão cộng với tín ngưỡng dân gian vốn có. Tuy nhiên, tư tưởng Phật giáo có phần trội hơn, trội mặt về tín ngưỡng chứ không phải về triết thuyết’’.[1] Nhờ vậy, Phật giáo dần bén rễ sâu trong đời sống xã hội và trở thành một thành tố quan trọng của văn hóa Huế sau này.

Khi Gia Long lên ngôi, lập nên vương triều Nguyễn (1802), Phật giáo bước sang một giai đoạn mới. Trong bối cảnh Nho giáo được xác lập là hệ tư tưởng chính thống để xây dựng nhà nước quân chủ trung ương tập quyền, Phật giáo không còn giữ vị thế trung tâm về chính trị, tư tưởng. Tuy nhiên, điều đó không đồng nghĩa với sự suy thoái. Trái lại, Phật giáo vẫn được triều đình nhà Nguyễn duy trì và bảo trợ ở mức độ nhất định, đặc biệt trong lĩnh vực đời sống tinh thần và nghi lễ.

Dưới triều Nguyễn, Phật giáo Huế mang đậm tính chất Phật giáo cung đình. Nhà vua và hoàng tộc thường xuyên tham gia các hoạt động hộ trì Tam bảo, tổ chức các nghi lễ cầu an, cầu siêu, cầu quốc thái dân an. Hệ thống chùa chiền tại Huế tiếp tục được duy trì như những trung tâm tu tập, sinh hoạt tôn giáo và văn hóa. Vì vậy Phật giáo trở thành một bộ phận không thể tách rời của đời sống tinh thần hoàng gia và xã hội, dù không giữ vai trò chính thống như Nho giáo. Đặc biệt dưới thời vua Minh Mạng, triều đình ban hành nhiều chính sách nhằm chấn hưng Phật giáo, như quy định việc xuất gia và quản lý tăng sĩ. Nhà nước cho xây dựng và trùng tu nhiều chùa chiền như Thiền Tôn (Quảng Trị), chùa Tam Thai (Quảng Nam), chùa Thánh Duyên (Huế), chùa Giác Hoàng (Huế)... Đến đời vua Thiệu Trị chính sách này vẫn tiếp tục, và đã tu sửa các chùa như Thiên Mụ, chùa Long Quang, chùa Diệu Đế, đồng thời lập các quốc tự để truyền bá Phật giáo và hỗ trợ tăng sĩ. Triều đình cũng tổ chức và tài trợ các nghi lễ Phật giáo lớn như trai đàn, như "một số triều đình nhà Nguyễn, khi lên ngôi, ngoài việc tổ chức đại lễ đăng quang trong hoàng thành, còn tổ chức đại lễ trai đàn''[2]. Tuy nhiên cùng với sự bảo trợ đó, nhà nước vẫn kiểm soát chặt chẽ các hoạt động Phật giáo để tránh việc lợi dụng tôn giáo. Nhờ vậy, Phật giáo tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa và tinh thần của xã hội Việt Nam.

Có thể nhận thấy rằng, từ thời chúa Nguyễn cho đến triều đại nhà Nguyễn, Phật giáo tại Huế đã trải qua một quá trình chuyển đổi đáng chú ý. Ban đầu, Phật giáo mang tính dung hợp, gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng cư dân Đàng Trong; về sau dần phát triển thành một hình thức Phật giáo mang dấu ấn cung đình, có tính ổn định và lâu dài hơn. Chính sự phát triển liên tục ấy đã tạo nền tảng để Phật giáo trở thành một thành tố quan trọng trong cấu trúc bản sắc văn hóa Huế. Những giá trị tinh thần do Phật giáo mang lại đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống văn hóa Huế cho đến nay.



Chùa Diệu Đế nằm bên đường Bạch Đằng, phía bờ Đông sông Đông Ba, Huế

1.2. Đặc điểm riêng của Phật giáo Huế

Phật giáo Đàng Trong đã phát triển mạnh mẽ và lan rộng nhờ sự bảo trợ của chúa Nguyễn Hoàng và các đời chúa kế tiếp. Chùa chiền được xây dựng nhiều, tăng ni tín đồ ngày càng đông đảo. Trong bối cảnh xã hội đa dạng về thành phần cư dân, sắc tộc và tín ngưỡng, Phật giáo đã góp phần trong việc ổn định lòng dân, tạo sự gắn kết tinh thần cho chính quyền chúa Nguyễn. Nếu như sự ủng hộ Phật giáo của chúa Tiên Nguyễn Hoàng có thể gắn với những toan tính chính trị ban đầu, nhưng ở các chúa kế vị tiếp theo, việc hộ trì Phật pháp xuất phát từ niềm tin và sự sùng mộ chân thành. Phật giáo đã ảnh hưởng đến đời sống tinh thần và tác động rõ đến tư tưởng, đường lối trị nước của các chúa. Điều này thể hiện qua lời tựa trong Hải ngoại kỷ sự khi mời được hòa thượng Thạch Liêm đến nước ta, chúa Nguyễn Phúc Chu viết: “Ngoài những lúc sớm hôm luận bàn Thiền học, hòa thượng còn chỉ rõ từ việc lớn như luân thường cương kỷ, đến việc nhỏ như phân biệt sự vật tinh thô, không gì là không phân minh khúc chiết, lý lẽ rõ ràng ngôn từ mạch lạc, như thể dắt người từ chốn tối tăm ra nơi trời trong khí rạng, hòa thượng đã giúp ích cho quả nhân về chính trị thực đã quá nhiều”.[3] Tư tưởng “cư Nho mộ Thích’’ của các chúa Nguyễn, kết hợp giữa tinh thần Nho giáo trong chính trị và sự hướng thiện của Phật giáo, tinh thần nhập thế tích cực của Phật giáo vừa gắn bó với đời sống xã hội, vừa hướng con người đến các giá trị đạo đức và giác ngộ.

Phật giáo xứ Huế không thể chỉ nhìn nhận qua số lượng chùa chiền hay tỉ lệ người dân theo đạo, mà cần được hiểu như một thực thể văn hóa, lịch sử có chiều sâu gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của con người nơi đây. Đó là kết quả của một quá trình tích lũy lâu dài, trong đó các yếu tố như lịch sử, môi trường tự nhiên, giao lưu văn hóa và dòng chảy tư tưởng đã cùng nhau tạo nên một diện mạo riêng biệt.

Huế là vùng đất hội tụ nhiều luồng văn hóa và tôn giáo lớn, Phật giáo khi du nhập vào đây không tồn tại một cách đơn lẻ, mà tiếp nhận và dung hòa các ảnh hưởng từ Ấn Độ, Trung Hoa cũng như các trung tâm Phật giáo cổ như Luy Lâu, Đồng Dương. Vì vậy, Phật giáo Huế mang tính đa dạng, vừa kế thừa truyền thống, vừa thích ứng với điều kiện địa phương để phát triển lâu dài. Một yếu tố quan trọng góp phần hình thành bản sắc này chính là môi trường tự nhiên. Cảnh quan Huế với sông Hương, núi Ngự, hệ đầm phá và dãy Trường Sơn đã tạo nên vẻ đẹp thơ mộng, ngoài ra còn tác động đến tâm hồn con người nơi đây. Người Huế thường có tính cách trầm lắng, nhẹ nhàng, hướng nội, những đặc điểm rất tương hợp với tinh thần từ bi và tĩnh tại của Phật giáo. Chính điều này đã giúp đạo Phật dễ dàng thấm sâu vào đời sống và trở thành một phần tự nhiên của văn hóa địa phương.

Trải qua nhiều thế hệ, Phật giáo góp phần định hình nếp sống và nhân cách con người Huế. Những giá trị như lòng từ bi, sự hiền hòa, tính lễ độ và tinh thần hướng thiện được nuôi dưỡng thông qua các sinh hoạt tôn giáo quen thuộc như đi chùa, nghe kinh, ăn chay hay kính trọng Tăng Ni…Đạo đức ở đây không mang tính áp đặt mà thấm dần vào đời sống, trở thành một chuẩn mực ứng xử nhẹ nhàng mà sâu sắc.

Ảnh hưởng Phật giáo còn thể hiện rõ qua kiến trúc và sinh hoạt văn hóa. Chùa Huế có phong cách riêng, kết hợp giữa truyền thống dân tộc và yếu tố cung đình, đồng thời hài hòa với thiên nhiên xung quanh. Không gian chùa không chỉ là nơi thờ tự mà còn là nơi nuôi dưỡng đời sống tinh thần. Bên cạnh đó, văn hóa ẩm thực chay Huế cũng là minh chứng sinh động cho việc đưa triết lý Phật giáo vào đời sống hàng ngày, vừa giữ được tinh thần tôn giáo, vừa thể hiện sự sáng tạo văn hóa.

Trong dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam, Huế giữ một vị trí đặc biệt quan trọng, đây là nơi hình thành và phát triển của các thiền phái như thiền phái Liễu Quán (Tử Dung -Liễu Quán) có ảnh hưởng lớn, góp phần tiếp nối và lan tỏa đạo Phật vào phương Nam trong quá trình mở rộng lãnh thổ của dân tộc. Đến đầu thế kỷ XX, Huế trở thành trung tâm của phong trào chấn hưng Phật giáo khôi phục và phát triển sinh hoạt tôn giáo trên phạm vi cả nước. Qua đây thấy được rằng,

Phật giáo Huế là kết tinh của nhiều yếu tố tạo nên sự hòa quyện đặc sắc riêng, một nền văn hoá mang đạm tính nhân văn, trầm tĩnh và tinh tế, góp phần làm nên hình ảnh đặc trưng của con người và vùng đất Huế.

2. Phật giáo trong đời sống văn hóa Huế

2.1. Trong kiến trúc

Kiến trúc Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng đến văn hóa Huế trên nhiều phương diện, từ không gian sống đến đời sống tinh thần:

“Vườn chùa và kiến trúc chùa Huế là một kiệt tác mẫu mực giữa tâm và cảnh. Tâm cảnh viên dung thì thế giới mới tròn đầy và mùa Xuân thường tại khắp cả thế gian. Cảnh quan của danh lam cổ tự tuy không đồ sộ mà e ấp kín đáo, không lộng lẫy tân thời mà uy nghi trầm mặc như tính cách của chính Huế vậy. Xuân kinh cũng là Thiền kinh, tuy hai mà một, ẩn hiện dưới những tàng lá xanh, giao hưởng giữa Thiên - Địa - Nhân, không mấy khi ồn ào, sôi động mà đã sưởi ấm lòng người’’[4].

Nhìn chung, các ngôi chùa Huế vẫn bảo lưu được những nét đặc trưng riêng, thể hiện rõ qua phong cách kiến trúc truyền thống cổ kính của khu vực Á Đông, cùng với đó là quần thể kiến trúc cung đình, dân gian đã tạo nên một bản sắc riêng, vừa mang tính kế thừa truyền thống, vừa phản ánh chiều sâu lịch sử và thẩm mỹ của vùng đất cố đô.

Kiến trúc chùa Huế chủ yếu phát triển theo chiều ngang, gồm nhiều khối công trình trải rộng, tạo nên sự hài hòa và gắn bó mật thiết với thiên nhiên xung quanh. Yếu tố chiều cao không được nhấn mạnh, chỉ xuất hiện khiêm tốn ở các tháp tổ hoặc phù đồ, qua đó thể hiện rõ quan niệm “thiên nhân tương dữ”, điều này tạo nên sự khác biệt so với các ngôi chùa hiện đại. Bố cục chùa Huế có nhiều dạng mặt bằng như chữ Nhất, chữ Đinh, chữ Công, chữ Khẩu hay kiểu “nội công ngoại quốc’’, trong đó phổ biến nhất là kiểu chữ khẩu.

“Phong cách kiến trúc đặc thù đó là kiểu kiến trúc thành hình “chữ khẩu’’, tương tự một hình vuông trong kỉ hà học. Các tòa nhà và Phật điện đều được kiến trúc kiểu “trùng lương’’, hoặc còn gọi là kiểu “trùng thiềm điệp ốc’’; kiểu riêng của Huế, các nơi khác đều không có.

Đại thể hình “chữ khẩu’’ này thì mặt trước là tiền đường và Phật điện xây chung thành một tòa lớn; vào phía sau thì bên phải và bên trái có hai dãy nhà làm nhà khách và Tăng xá, xây mặt lại với nhau, sau cùng có một tòa nhà hậu xây mặt nhìn ra trước. Tất cả dãy dọc tòa ngang nối liền và khép kín thành một hình

vuông, hình đó người ta thường gọi là hình chữ khẩu, vì nó cũng giống chữ "Khẩu'' trong chữ Hán. Vùng không gian ở giữa được thiết kế thành một vườn cây cảnh, chậu hoa. Toàn thể kiến trúc này đã tạo ra một không khí yên tĩnh, thanh thản rất đặc biệt."[5]

Do điều kiện khí hậu ẩm thấp và vật liệu nhẹ, nhiều ngôi chùa Huế đã trải qua các đợt trùng tu lớn, chủ yếu và thế kỷ XX. Tuy nhiên, dù có sự thay đổi về vật liệu và không gian, chùa Huế vẫn giữ được nét truyền thống. Đặc trưng của mái chùa với kiểu trùng thiềm - điệp ốc, trang trí lưỡng lâu chầu nguyệt, hoa văn chạm trổ tinh tế cho thấy ảnh hưởng từ kiến trúc cung đình, đồng thời vẫn mang dấu ấn Phật giáo qua các biểu tượng như hoa sen, pháp luân, bát bửu. Không gian trong chùa thường thờ theo ba gian, gọn gàng, ít phân chia phức tạp, với hệ thống tượng Phật và Bồ tát được sắp xếp theo thứ bậc rõ ràng, tạo nên tính trang nghiêm nhưng vẫn gần gũi. Về trang trí, chùa Huế thể hiện sự dung hợp của tam giáo: Phật - Nho - Lão, với các họa tiết vừa mang tính Phật giáo, vừa phản ánh ảnh hưởng của Nho giáo và Đạo giáo.

Xét về phong cách vùng miền, kiến trúc Huế nói chung và chùa Huế nói riêng có những đặc điểm như cột cao, thanh mảnh, mái nhẹ, ít cong, chi tiết trang trí tinh tế, thiên về chạm nông. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa kiến trúc và thiên nhiên là yếu tố cốt lõi, chùa Huế thường gắn với vườn chùa, cảnh quan xanh mát, tạo nên không gian tĩnh lặng, thanh tịnh, mang đậm chất thiền. Sự hòa quyện giữa kiến trúc, thiên nhiên và đời sống tâm linh đã tạo nên bản sắc văn hóa đặc trưng của nơi đây. Các ngôi chùa nổi tiếng như chùa Thiên Mụ, Từ Đàm, Diệu Đế, Huyền Không Sơn Thượng... không chỉ là điểm đến tôn giáo mà còn là biểu tượng văn hóa lịch sử và nghệ thuật. Chùa chiền ở Huế đa phần là các cổ tự hoặc chùa quan có từ thời xưa, nên khi xây dựng chùa không chỉ vì mục đích tôn giáo mà còn để phục vụ giới quý tộc, hoàng gia và dân chúng trong các lễ hội lớn.

Chùa Huế không chỉ là công trình kiến trúc mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, điểm tựa tinh thần cho mọi người. Các lễ hội, nghi thức Phật giáo, tu học được diễn ra tại chùa làm lan tỏa những giá trị nhân văn, hướng thiện và đời sống nội tâm sâu sắc. Có thể nói, kiến trúc Phật giáo đã tạo nên diện mạo không gian cho Huế, nuôi dưỡng chiều sâu văn hóa và tâm hồn của vùng đất này.



2.2. Nghi lễ

Nghi lễ Phật giáo tại Việt Nam chịu ảnh hưởng đáng kể từ Phật giáo Trung Hoa, tuy nhiên thông qua quá trình tiếp nhận có chọn lọc và sáng tạo, các vị Tổ sư Việt đã chuyển hóa những yếu tố ngoại lai thành các hình thức nghi lễ phù hợp với truyền thống và tâm thức dân tộc. Chính nhu cầu tâm linh của con người đã trở thành động lực giúp cho sự giao lưu và biến đổi của nghi lễ Phật giáo thích nghi với từng giai đoạn lịch sử mà vẫn giữ được bản sắc riêng.

Ở miền Trung nói chung và Huế nói riêng là nơi chịu nhiều tác động của chiến tranh và thiên tai, con người luôn hướng đến sự bình an trong cuộc sống. Trước những khó khăn và giới hạn của bản thân, họ có xu hướng tìm đến niềm tin tâm linh như một chỗ dựa để có thể xoa dịu lo âu và tìm kiếm sự an ổn tinh thần. Với nhu cầu như vậy, Phật giáo đã vận dụng linh hoạt để đưa các nghi lễ như một phương tiện gần gũi với đời sống. Hệ thống nghi lễ của Phật giáo Huế được định hình tương đối hoàn chỉnh, kế thừa được truyền thống và vẫn giữ được vai trò quan trọng trong đời sống tu hành của Tăng ni và sinh hoạt tín ngưỡng của Phật tử. Các nghi lễ trong lễ hội không chỉ là hình thức mà còn hướng con người đến lý tưởng giải thoát, nuôi dưỡng hạnh nguyện theo tinh thần Bồ tát đạo. Đồng thời, sự tác động của môi trường văn hóa Huế kết hợp giữa yếu tố cung đình và dân gian đã góp phần giúp các nghi thức này được lưu giữ và phát triển lâu dài.

Hệ thống nghi lễ Phật giáo ở Huế mang tính quy chuẩn, cốt lõi của các nghi thức không nhằm đến việc cầu xin thần linh, mà là phương tiện giúp con người tu dưỡng nội tâm, đạt đến sự thanh tịnh và xây dựng được đời sống cộng đồng

hài hòa. Nghi lễ thể hiện rõ nét trang nghiêm, tinh tế, chuẩn mực qua thực hành nghi thức như các lễ cầu an, sám hối, nghi lễ hằng thuận, cầu siêu, các nghi trong tang lễ..., người Phật tử bày tỏ lòng tôn kính đối với Tam bảo, đồng thời nuôi dưỡng lòng khiêm nhường, hòa nhã trong giao tiếp. Chính những yếu tố này đã tạo nên nếp sống nhẹ nhàng, thấm đẫm chất thiền đặc trưng của vùng cố đô.

Một đặc điểm nổi bật của nghi lễ Phật giáo Huế là sự kết hợp giữa nghi thức và âm nhạc. Các pháp khí như chuông, trống, linh, khánh...được vận dụng nhịp nhàng cùng với các làn điệu tán tụng mang âm hưởng sâu lắng. Lễ nhạc Phật giáo Huế đã phát triển trải dài theo dòng chảy lịch sử, song hành cùng các thời kỳ chúa Nguyễn và triều Nguyễn, đồng thời tiếp nhận và giao thoa với các dòng âm nhạc khác để duy trì vị trí riêng trong đời sống văn hóa. Đây là sản phẩm sáng tạo của các vị thiền sư trong môi trường thiền môn, loại hình này giữ vai trò quan trọng trong các buổi lễ từ quy mô nhỏ cho đến lớn, như các lễ Phật đản, Vu Lan, các ngày vía, cho đến các lễ cầu siêu, chẩn tế âm linh cô hồn, cầu quốc thái dân an...Thông qua âm điệu, tiết tấu và cách thức trình bày được biến tấu từ âm nhạc cung đình và âm nhạc dân gian, lễ nhạc trở thành phương tiện biểu đạt đời sống tâm linh của Phật giáo. Đây là văn hóa phi vật thể của Phật giáo Huế, là một mảng trong văn hóa truyền thống Phật giáo nơi đây, nó được thể hiện qua các điệu như: tán rơi, tán xấp, trì, tụng...mang âm điệu luyến láy nhưng đậm chất thiền và trang nghiêm. Điều này hỗ trợ cho nghi lễ có chiều sâu tinh thần, làm hiển lộ sức sống nội tại của đạo Phật trong không gian văn hóa Huế.

Nghi lễ là đời sống văn hóa không thể thiếu của mọi người và trong Phật giáo, nghi lễ Phật giáo đã đem đến sự điều chỉnh được thân-khẩu-ý, giúp nuôi dưỡng sự tỉnh thức, xây dựng đời sống đạo đức. Đây còn là phương tiện giáo dục và kết nối cộng đồng, định hình nếp sống văn hóa, nâng cao đời sống tâm linh cộng đồng.

3. Phật giáo và quá trình định hình bản sắc văn hóa Huế

3.1. Giá trị đạo đức trong nếp sống

Phật giáo với giáo lý đầy tính nhân bản đã giúp nuôi dưỡng các chuẩn mực đạo đức trong đời sống con người. Những đạo lý: từ bi, buông xả, sống trung đạo, vô ngã, không làm hại đến sự sống, điều này không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn trở thành định hướng cụ thể cho cách ứng xử và lối sống hằng ngày.

Ở Huế, Phật giáo luôn có những hoạt động giáo dục nhưng không áp đặt, tạo tinh thần thoải mái cho mọi người tham gia, như hoạt động giảng pháp, khóa tu, xuất gia gieo duyên, lớp học giáo lý được tổ chức thường xuyên tại các chùa Từ Lâm, Vạn Phước, Phước Duyên, chùa Huyền Không Sơn Thượng...Các hoạt động đã truyền tải những giá trị đạo đức truyền thống đến nhiều tầng lớp, đặc biệt là học sinh, sinh viên. Việc giáo dục không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà còn nhấn mạnh đến thực hành, giúp người tham gia chuyển hóa nhận thức thành hành vi cụ thể trong đời sống hằng ngày. Hiện nay, một số bộ phận giới trẻ chịu tác động của lối sống thực dụng, áp lực cá nhân và xu hướng đề cao cái tôi, các khóa thiền, chương trình tu học mùa hè diễn ra tại Huế đã tạo ra môi trường giúp họ cân bằng đời sống tinh thần. Thực tế cho thấy sau khi tham gia các hoạt động, nhiều bạn trẻ đã có những thay đổi tích cực, biết kiểm soát cảm xúc tốt hơn, hạn chế các hành vi tiêu cực, nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng. Phật giáo đã góp phần định hình nhân cách, hướng con người đến lối sống chậm, sâu sắc và giàu lòng trắc ẩn.

Không chỉ dừng lại ở phương diện cá nhân, các giá trị đạo đức Phật giáo còn lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống cộng đồng. Những hoạt động thiện nguyện như cứu trợ, giúp đỡ người khó khăn, người khuyết tật, hiến máu nhân đạo...không chỉ hỗ trợ về mặt vật chất mà còn thể hiện tinh thần chia sẻ và trách nhiệm xã hội. Nhờ vào đó mà sợi dây liên kết cộng đồng càng ngày càng bền chặt, nuôi dưỡng lối sống nhân ái và giảm bớt sự phân hóa trong xã hội. Cách thực hành ăn chay, tiết chế trong tiêu dùng, bảo vệ môi trường không chỉ xuất phát từ niềm tin tôn giáo mà còn phản ánh ý thức đạo đức đối với hệ sinh thái. Qua đó con người được khuyến khích sống giản dị, có trách nhiệm và hướng đến sự phát triển lâu dài.

Nhìn chung, trong cuộc sống hiện đại, các giá trị đạo đức Phật giáo đã giúp hoàn thiện cá nhân, xây dựng một cộng đồng nhân văn, hài hòa. Lối sống có ích cho xã hội chính là sự định hướng tích cực cho con người trong xã hội nhiều biến động.

3.2. Phát huy giá trị Phật giáo triều Nguyễn gắn với giáo dục, văn hóa và phát triển bền vững Huế

Giáo dục Phật giáo có thể hiểu là quá trình truyền đạt giáo lý nhằm giúp con người nâng cao nhận thức và phát triển đời sống tinh thần. Qua đó, con người sẽ trang bị được tri thức, định hướng hoàn thiện về đạo đức, trở thành những cá nhân sống chân thành, giàu lòng từ bi, biết tôn trọng người khác, có lý tưởng và thích ứng với hoàn cảnh xã hội.

Dưới triều Nguyễn, hoạt động giáo dục Phật giáo nhận được sự quan tâm từ triều đình và tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ trong quần chúng. Các quốc tự, những ngôi chùa do nhà nước xây và quản lý giữ vai trò trung tâm trong việc truyền bá Phật pháp. Nhờ vị thế này, tăng sĩ tại các ngôi chùa được hưởng nhiều chính sách ưu đãi như miễn sưu thuế, được cấp phát lương thực, y phục và các điều kiện sinh hoạt tương ứng với cấp bậc.

Những chính sách đó không chỉ thể hiện sự bảo trợ của nhà nước đối với Phật giáo mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhân dân. Tại kinh đô Huế, Phật giáo trở thành điểm tựa tinh thần quan trọng, điển hình như chùa Thiên Mụ đã có rất nhiều người dân tin tưởng và theo đạo. Điều này đã giúp triều đình củng cố lòng dân và duy trì ổn định xã hội. Việc quản lý tăng đoàn được thực hiện thông qua chế độ cấp độ điệp, là hình thức xác nhận tư cách tu hành đã có từ thời Trần và được duy trì dưới thời Nguyễn. Dưới thời vua Gia Long, các quy định được ban hành nhằm kiểm soát chặt chẽ việc xuất gia, đảm bảo tính nghiêm minh trong giới luật. Sang đến thời Minh Mạng, các điều trên được siết chặt hơn khi tăng sĩ phải trải qua kỳ khảo hạch về giới luật, đạo hạnh và kiến thức Phật học. Đồng thời triều đình cũng đặt ra những yêu cầu nghiêm ngặt về đạo đức của người xuất gia, khi vi phạm sẽ xử lý nặng hơn người thường. Trong Hoàng Việt luật lệ quy định: “Phàm để tang cha mẹ và chồng chết, nếu tăng, đạo sĩ, nữ quan phạm gian, thì tăng hai bậc tội người thường phạm gian, xử tội ấy theo người thường phạm gian’’.[6]

Những quy định này không chỉ mang tính quản lý mà đã trở thành một hình thức giáo dục đạo đức, yêu cầu người tu sĩ phải hiểu giáo lý, sống thanh bạch, giản dị, từ bỏ những ham muốn tầm thường để làm gương cho tất cả mọi người. Mặc dù các chính sách của triều Nguyễn mang tính quản lý xã hội, nhưng Phật giáo vẫn giữ được sức sống mạnh mẽ trong lòng nhân dân. Giáo lý nhà Phật tiếp tục thấm sâu vào đời sống tinh thần của nhiều tầng lớp, giúp định hình các giá trị đạo đức trong xã hội.

Nhiều vị cao tăng đã đóng góp quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa Phật giáo như hòa thượng Tịch Truyền, hòa thượng Chiếu Khoan với công trình biên soạn và khắc in kinh sách Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục… và rất nhiều các vị hòa thượng được quần chúng mến mộ, các vị vua triều Nguyễn rất kính trọng. Nhờ vào những đóng góp của quý Ngài đã làm phong phú di sản học thuật Phật giáo.

Nền giáo dục Phật giáo được hình thành dưới triều Nguyễn, có thể thấy rằng Phật giáo không chỉ là một hệ thống tín ngưỡng mà còn là một nguồn lực văn hóa giáo dục quan trọng, có khả năng đóng góp thiết thực vào sự phát triển của

Huế trong xã hội hiện nay. Việc phát huy giá trị Phật giáo triều Nguyễn cần được thực hiện theo hướng kế thừa truyền thống và chuyển hóa, nhằm thích ứng với yêu cầu của xã hội. Trước hết là phương diện giáo dục, cần tiếp tục khai thác các giá trị đạo đức của Phật giáo làm nền tảng nuôi dưỡng nhân cách. Lòng từ bi, nhẫn nại, tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng có thể được lồng ghép vào hoạt động giáo dục văn hóa, đặc biệt đối với giới trẻ. Các hình thức tổ chức hoạt động tại chùa như khóa tu, lớp giáo lý…vừa giữ được nét truyền thống vừa phù hợp với lối sống hiện đại, đem đến một cuộc sống đầy tích cực.

Ngoài ra, hệ thống chùa chiền và các thiết chế Phật giáo cần phát huy vai trò như những trung tâm văn hóa cộng đồng. Dưới triều Nguyễn, các ngôi chùa là nơi tu tập hành lễ, là không gian giáo dục và truyền bá tri thức. Ngày nay, mô hình này có thể mở rộng theo hướng tổ chức các hoạt động văn hóa, học thuật, giáo dục kỹ năng sống. Những ngôi chùa có thể trở thành điểm kết nối di sản, giáo dục và du lịch văn hóa.

Tư tưởng Phật giáo có sự hài hòa giữa con người và tự nhiên có thể vận dụng vào việc xây dựng lối sống sinh thái tại Huế. Các giá trị sống giản dị, xem trọng môi trường phù hợp với định hướng phát triển “thành phố xanh’’. Việc lồng ghép các điều như ăn chay, bảo vệ môi trường, giảm thiểu rác thải trong sinh hoạt, nâng cao được ý thức cộng đồng và thúc đẩy hành vi sống có ích cho xã hội. Cần chú trọng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Phật giáo triều Nguyễn như một nguồn lực mềm cho phát triển. Các giá trị về kiến trúc, nghi lễ, âm nhạc, văn học Phật giáo mang giá trị lịch sử và sẽ trở thành sản phẩm văn hóa du lịch đặc sắc. Sự kết hợp giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế văn hóa sẽ giúp Huế vừa gữ được bản sắc, vừa có động lực phát triển lâu dài.

Phát huy giá trị Phật giáo triều Nguyễn trong đời sống hiện đại không chỉ để bảo tồn quá khứ mà còn tái tạo và ứng dụng những giá trị đó vào đời sống. Phật giáo tiếp tục đóng vai trò quan trọng như một nền tảng tinh thần và văn hóa, tạo nên một thành phố Huế giàu bản sắc, nhân văn và phát triển hài hòa.

Kết luận

Phật giáo dưới triều nhà Nguyễn đã góp phần quan trọng trong việc hình thành bản sắc văn hóa của Huế. Không chỉ ảnh hưởng đến tín ngưỡng, Phật giáo còn định hình lối sống, đạo đức và phong thái con người Huế theo hướng nhẹ nhàng, thanh tịnh, hòa ái và chuẩn mực. Những giá trị này được tiếp tục và kế thừa, bảo tồn, và phát triển văn hóa Huế trong lịch sử, hiện tại và tiếp tục các thời kỳ tiếp nối.

Tác giả: **Thích nữ Tuệ Hiếu**
Học viên Cao học Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

***

Tài liệu tham khảo:

1/ Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, (2006), Lịch sử Phật giáo xứ Huế, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
2/ Quốc sử quán triều Nguyễn, (viện sử học dịch), (2007), Đại Nam Thực lục, tập 4, Nxb Giáo Dục.
3/ Thích Đại Sán, Phan Đăng dịch và chú giải, (2025), Hải ngoại Kỷ sự, Nxb Thế giới.
4/ Lê Quang Thái (2021), Khảo luận về miền Thuận Hóa, Nxb Phụ nữa Việt Nam.
5/ Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), Hoàng Việt luật lệ, tập 5, Nxb Văn hóa thông tin.

Chú thích:

[1] Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, (2006), Lịch sử Phật giáo xứ Huế, Nxb Văn hóa Sài Gòn, tr.85.
[2] Quốc sử quán triều Nguyễn, (viện sử học dịch), (2007), Đại Nam Thực lục, tập 4, Nxb Giáo Dục.
[3] Thích Đại Sán, Phan Đăng dịch và chú giải, (2025), Hải ngoại Kỷ sự, Nxb Thế giới, tr.20.
[4] Lê Quang Thái (2021), Khảo luận về miền Thuận Hóa, Nxb Phụ nữa Việt Nam, tr.494.
[5] Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, Lịch sử Phật giáo xứ Huế, sdd, tr.684.
[6] Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), Hoàng Việt luật lệ, tập 5, Nxb Văn hóa thông tin, tr.914.